TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 193/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06/12/2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ - UVTV Hội chữ thập đỏ phường An Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm – Chủ tịch Hội LHPN phường Bình Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 499/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Khương Văn T, sinh năm 1975; thường trú: số 117/25, đường Đ, khu phố TA, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; tạm trú: Số 62 đường D1, khu tái định cư Hố Lang, khu phố T2, phường T3, thành phố D, tỉnh B. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; thường trú: số 117/25, đường Đ, khu phố TA, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; tạm trú: 117/40 đường Đ, khu phố TA, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Khương Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Khương Văn T và chị Nguyễn Thị N trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01 ngày 10/02/2010. Hôn nhân của anh T và chị N là tự nguyện, có sự chấp thuận của gia đình hai bên.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T và chị N sinh sống và làm việc tại phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Vợ chồng anh T và chị N chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên tranh cãi, vợ chồng có trao đổi nhưng tình cảm không được cải thiện, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có sự chia sẻ. Từ tháng 4/2020 vợ chồng anh T và chị N sống ly thân, chị N sống tại địa chỉ 117/40 đường Đ, khu phố TA, phường Đ, thành phố D, tỉnh B cùng với con gái lớn tên Khương Ngọc H, còn anh Khương Văn T sinh sống ở phường Tân Bình, thành phố D, tỉnh B cùng với con gái nhỏ tên Khương Ngọc T4. Khi vợ chồng sống ly thân, anh T và chị N không gặp nhau, trao đổi để hàn gắn tình cảm gia đình mà các bên có lời lẽ xúc phạm nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh T xác định không còn tình cảm với chị Nguyễn Thị N nên yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Hiện nay anh T đang làm cơ khí, điện thu nhập khoảng 30.000.000 đồng/1 tháng. Chị Nguyễn Thị N làm gì, thu nhập bao nhiêu anh T không biết.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Khương Ngọc H, sinh ngày 26/11/2007 và Khương Ngọc T4, sinh ngày 19/3/2013. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Khương Ngọc T4, sinh ngày 19/3/2013, để cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khương Ngọc H, sinh ngày 26/11/2007, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N tại bản tự khai ngày 26/10/2022, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N thống nhất với lời khai của anh Khương Văn T về thời gian tìm hiểu, chung sống và việc đăng ký kết hôn, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, ngoài ra theo chị Nguyễn Thị N anh Khương Văn T là người gia trưởng, mọi việc lớn nhỏ trong gia đình không có sự bàn bạc, trao đổi với chị Nguyễn Thị N. Chị Nguyễn Thị N xác định không còn tình cảm với anh Khương Văn T, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng chị N không đồng ý ly hôn vì yêu cầu anh T phải thỏa thuận vấn đề tài sản trước khi ly hôn.

Hiện nay chị N đang làm may gia công, thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/1 tháng. Anh Khương Văn T làm cơ khí nhưng địa chỉ ở đâu, thu nhập như thế nào chị N không biết.

- Về con chung: Thống nhất về lời khai của anh Khương Văn T về số con chung và việc trực tiếp chăm sóc các con chung từ khi vợ chồng sống ly thân. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khương Ngọc H, sinh ngày 26/11/2007 để cho anh Khương Văn T được trực tiếp nuôi con chung tên Khương Ngọc T4, sinh ngày 19/3/2013, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Sau khi hòa giải chị Nguyễn Thị N có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố D tại Hội liên hiệp phụ nữ phường Đ thể hiện: Chị Nguyễn Thị N không phải là hội viên hội phụ nữ phường.

Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, chị Nguyễn Thị N không yêu cầu địa phương hòa giải cơ sở. Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đ cũng không tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng những người dân phản ánh. Vì vậy, Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đ không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa anh Khương Văn T và chị Nguyễn Thị N.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị N và anh Khương Văn T phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Khương Văn T; Về con chung tiếp tục giao cháu Khương Ngọc T4, sinh ngày 19/3/2013 cho anh Khương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, tiếp tục giao cháu Khương Ngọc H, sinh ngày 26/11/2007 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Khương Văn T và chị Nguyễn Thị N không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nghĩa vụ chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Khương Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01 ngày 10/02/2010 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Anh Khương Văn T và chị Nguyễn Thị N đều thống nhất trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, không quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm không thể hàn gắn được, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay nhưng chị Nguyễn Thị N không đồng ý ly hôn vì giữa các bên chưa giải quyết xong về vấn đề tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Khương Văn T thực sự trầm trọng, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ, không yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị N không đồng ý ly hôn chỉ vì các bên chưa giải quyết về vấn đề tài sản chung, nghĩa vụ chung không phải mong muốn vợ chồng đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và không muốn hàn gắn. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Khương Văn T là có cơ sở chấp nhận theo quy định Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh Khương Văn T và chị Nguyễn Thị N thống nhất về việc tiếp tục giao cháu Khương Ngọc T4, sinh ngày 19/3/2013 cho anh Khương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, tiếp tục giao cháu Khương Ngọc H, sinh ngày 26/11/2007 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Khương Ngọc T4 do do anh Khương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Khương Ngọc H do chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 01/11/2022 của cháu Khương Ngọc T4 có nguyện vọng được ở với cha, tại bản tự khai ngày 26/10/2022 cháu Khương Ngọc H có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy để

đảm bảo sự ổn định của các con chung cần tiếp tục giao cháu Khương Ngọc T4, sinh ngày 19/3/2013 cho anh Khương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, tiếp tục giao cháu Khương Ngọc H, sinh ngày 26/11/2007 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Khương Văn T và chị Nguyễn Thị N về việc không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Quá trình tố tụng anh Khương Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ chị Nguyễn Thị N có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung là không phù hợp quy định tại Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Cac đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác về chia tài sản chung, nghĩa vụ chung nếu có tranh chấp theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm nhân dân thành phố D, tỉnh B là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Khương Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị N không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào các Điều 147, 200, 217, 218, 219 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Khương Văn T với bị đơn chị Nguyễn Thị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Khương Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N (Giấy chứng nhận kết hôn số 611, quyển số 01do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh T cấp ngày 10/02/2010)

1.2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Khương Ngọc T4, sinh ngày 19/3/2013 cho anh Khương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, tiếp tục giao cháu Khương Ngọc H, sinh ngày 26/11/2007 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, anh Khương Văn T và chị Nguyễn Thị N đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Khương Văn T và chị Nguyễn Thị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: các Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Khương Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000637 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh B.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố D (1);
- CC THADS thành phố D (1);
- TAND tỉnh B (1);
- UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh T (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Thị Uyên